

Bản số: 13/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 15-6-2021
V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Hương

Bà Ngô Thị Hồng Vân.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lô Thị Lệ Hoài – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Ngô Xuân Thành- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 15/2021/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp Hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 05/5/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Dương Văn C, sinh năm 1964. (Có mặt).

Bị đơn: Bà Mai Thị H, sinh năm 1976. (Có mặt).

Cùng trú tại: Xóm X, xã Q, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án nguyên đơn ông Dương Văn C trình bày: Ông và bà H chung sống từ năm 2006, kết hôn tự nguyện, do cả hai bên đều kết hôn lần thứ 2 nên không tổ chức cưới hỏi. Đến năm 2011 vợ chồng mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, TP. T, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại tổ 16, phường H, TP. T được khoảng 4-5 năm thì chuyển về xóm X, xã Q, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên sinh sống cho đến nay. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không cùng quan điểm sống, không tin tưởng lẫn nhau, xúc phạm, không tôn trọng nhau nên ông C xác định vợ chồng không thể sống với nhau. Vợ chồng tuy sống C nhà nhưng không còn quan tâm đến nhau. Nay ông C xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông C xác định vợ chồng chung sống với nhau từ năm 2006. Đến năm 2008 thì có con chung nhưng do chưa đi đăng ký kết hôn nên trong giấy khai sinh của con chung không ghi tên bố. Ông C thừa nhận vợ chồng có 01 con chung là

Mai Dương Anh Tuấn, sinh ngày 21/12/2008. Sau khi ly hôn, ông C nhường quyền nuôi con cho bà H trên cơ sở tôn trọng quyền quyết định của con. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ông C chưa có việc làm ổn định nên chưa thể cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết tố tụng, bị đơn bà Mai Thị H trình bày: Năm 2006 bà sống chung với ông C là người chồng thứ hai nên vợ chồng chồng chỉ đăng ký kết hôn chứ không tổ chức cưới hỏi. Vợ chồng kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu nhau. Đến năm 2011, vợ chồng mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, TP. T, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xóm X, xã Q, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Bà H xác định ông C cũng đã có lần ngoại tình với người phụ nữ khác nhưng bà đã bỏ qua để vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau. Đến năm 2018, ông C lại có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, bà H đã khuyên can nhiều lần nhưng ông C không sửa đổi dẫn đến vợ chồng to tiếng cãi nhau. Đến nay, ông C xin ly hôn, bà H không nhất trí vì cho rằng vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn vì vẫn sống chung nhà.

Về con chung: Bà H xác định, vợ chồng có 01 con chung là Mai Dương Anh Tuấn, sinh ngày 21/12/2008. Trường hợp vợ chồng ly hôn, bà H tôn trọng quyền quyết định của con về việc ở với bố hay với mẹ.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

Tại biên bản làm việc ngày 11/3/2021, Tòa án nhân dân huyện Đ đã tiến hành lấy ý kiến của cháu Mai Dương Anh T để xác định nguyện vọng của cháu về việc ở với bố hay mẹ trong trường hợp ly hôn. Cháu T thể hiện nguyện vọng được ở với mẹ là bà Mai Thị H.

Tại biên bản xác minh ngày 30/3/2021 tại xóm X, xã Q, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xác nhận quá trình chung sống vợ chồng ông C và bà H đã xảy ra mâu thuẫn từ năm 2020. Về con chung: Vợ chồng ông C và bà H có một con C là Mai Dương Anh Tuấn. Cả gia đình ông C và H đang chung sống với nhau tại xóm X, xã Q, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Toà án đã tiến hành hoà giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng các bên vẫn giữ nguyên quan điểm của mình. Vì vậy, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa lần thứ nhất, bà H xin hoãn phiên tòa với lý do dịch bệnh covid 19 và phải giải quyết một số việc riêng nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và mở lại vào ngày hôm nay.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu quan điểm đây là vụ án “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, căn cứ Điều 28, 35, 39 BLTTDS Tòa án nhân dân huyện Đ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự (nguyên đơn) kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, đã được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Không có vi phạm, không có đề xuất hay kiến nghị gì.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147, Điều 227, 235, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

- Về quan hệ vợ chồng: Quan hệ hôn nhân giữa ông C và bà H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông C, cho ông C được ly hôn với bà H.

- Về con chung: Trên cơ sở nguyện vọng của con chung, đề nghị giao con chung là Mai Dương Anh Tuấn, sinh ngày 21/12/2008 cho bà Mai Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

- Về nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Ông C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình bị đơn Hộ khẩu thường trú tại: huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Dương Văn C và bà Mai Thị H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Sau khi kết hôn ông C và bà H sống hoà thuận cho đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không tin tưởng nhau, không tôn trọng lẫn nhau. Tuy vợ chồng vẫn chung sống tại xóm Xuân Quang 1, xã Q, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên nhưng không còn quan tâm đến nhau. Ông C xin ly hôn, bà H không đồng ý nhưng cũng không đưa ra các biện pháp có hiệu quả để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông Dương Văn C ly hôn với bà Mai Thị H theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Ông C và bà H đều thừa nhận vợ chồng có 01 con C là Mai Dương Anh T, sinh ngày 21/12/2008. Tuy Giấy khai sinh của cháu Tuấn không thể hiện tên cha nhưng cả ông C và bà H đều thừa nhận cháu Tuấn là con chung, không có tranh chấp nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh. Sau khi ly hôn, ông C đề nghị nhường quyền nuôi con cho bà H nhưng vẫn tôn trọng quyền quyết định của con. Bà H có quan điểm tôn trọng quyền quyết định của con chung về việc muốn ở cùng với bố hoặc mẹ. Tại văn bản ghi nhận ý kiến của con chung thể hiện cháu T có nguyện vọng được ở cùng với mẹ vì mẹ chăm sóc tốt hơn bố. Vì vậy, nhằm đảm bảo

sự phát triển toàn diện cho con cần thiết giao con C là Mai Dương Anh T, sinh ngày 21/12/2008 cho bà Mai Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con C thành niên đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Ông C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Không xem xét về việc cấp dưỡng nuôi con chung do nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông C, bà H không yêu cầu giải quyết về tài sản và xác định vợ chồng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Dương Văn C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 174, 177, Điều 227, 235, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Dương Văn C, cho ông Dương Văn C được ly hôn với bà Mai Thị H.

[2]. Về con chung: Giao con C Mai Dương Anh Tuấn, sinh ngày 21/12/2008 cho bà Mai Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con C thành niên đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Việc cấp dưỡng nuôi con đương sự không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Tòa án không xem xét giải quyết

Ông C có quyền và nghĩa vụ chăm sóc và thăm nom con C, không ai được phép ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con C.

Vì lợi ích của con, sau khi ly hôn, các đương sự có quyền thỏa thuận hoặc có quyền khởi kiện về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc về việc cấp dưỡng nuôi con nếu thấy cần thiết.

[3]. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

[5]. Án phí: Ông Dương Văn C phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006593 ngày 27/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh và huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã Q;
- Lưu VT, HSVA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Quang Tuấn

